

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2022/DS-ST

Ngày: 22 – 7 – 2022

V/v “Tranh chấp giao dịch hội”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH CÀ MAU**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Xuân Minh

2. Ông Nguyễn Trường Hận

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trương Minh Chiến, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2022, về “Tranh chấp giao dịch hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2022/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lương Kim Q, sinh năm: 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 10, thị trấn SĐ, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hùng M, sinh năm: 1972 (vắng mặt).

Bà Lưu Thị H, sinh năm: 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn SĐ, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 18/4/2022, nguyên đơn – chị Lương Kim Q trình bày: Ngày 09/8/2018 âm lịch, chị có mở 01 dây hội gồm 36 chum, loại hội 30.000.000đ, mỗi tháng khai 01 kỳ, bà Lưu Thị H và ông Nguyễn Hùng M tham gia chơi 01 chum hội, đóng hết kỳ thứ 12, sang kỳ thứ 13 hốt hội, số tiền bỏ hội 8.250.000đ, số tiền hốt hội 840.250.000đ. Sau khi hốt hội, ông M và bà H đóng hội hết được 09 kỳ thì ngưng đến nay. Nhiều lần chị yêu cầu ông M và bà H trả nợ nhưng ông bà không trả nên chị gửi đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết. Ngày 13/4/2021, Tổ hòa giải khóm 1, thị trấn SĐ tổ chức hòa giải, bà H

thừa nhận và cam kết đến ngày 13/4/2022 sẽ trả đủ số tiền 430.000.000đ nhưng đến nay vẫn không trả.

Từ nội dung trên, chỉ yêu cầu bà Lưu Thị H và ông Nguyễn Hùng M phải có nghĩa trả cho chị 430.000.000đ, ngoài ra chị không yêu cầu khoản nào khác.

* Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Lưu Thị H và ông Nguyễn Hùng M vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền và loại việc các bên tranh chấp là giao dịch hội nên loại việc tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về việc vắng mặt của đương sự: Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng thông báo cho ông M và bà H biết để tham gia phiên tòa hòa giải và xét xử nhiều lần nhưng ông M và bà H vẫn không có mặt tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng ông M và bà H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn đặt ra được xác định là giao dịch về hội. Quá trình hòa giải tại địa phương, bị đơn Lưu Thị H thừa nhận có giao dịch hội với nguyên đơn vào năm 2018, hội do chị Q làm chủ, loại hội 30.000.000đ, mỗi tháng khai một kỳ; bà H và ông M tham gia 01 chung hội và đã hốt hội ở kỳ thứ 13 với số tiền 840.250.000đ nhưng bà H cho rằng hiện nay hoàn cảnh rất khó khăn nên cam kết đến ngày 13/4/2022 sẽ trả dứt điểm số nợ cho chị Q. Sự thừa nhận và thống nhất này của đôi bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đồng thời đây hội hiện nay đã mãn nên có cơ sở để chấp nhận thanh lý hợp đồng.

[3] Song, điều các đương sự không thống nhất là khả năng thanh toán nợ của bà H và ông M. Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình hòa giải tranh chấp hội giữa chị Q với bà H tại cơ sở, chị Q xác định bà H và ông M còn nợ chị Q 15 kỳ hội chết với số tiền 450.000.000đ, đã trả được 20.000.000đ, còn nợ 430.000.000đ; bà H thừa nhận có tham gia chơi hội do chị Q làm chủ, đã hốt hội xong nhưng hiện không có khả năng đóng nữa, bà H hoàn toàn không có ý kiến phản hồi về số tiền nợ hội của chị Q. Bên cạnh đó, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên họp hòa giải và xét xử nhiều lần nhưng bà H vẫn không có ý kiến phản hồi, đồng thời cũng không có mặt tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên bà H phải gánh chịu hậu quả của việc không chứng minh hoặc chứng minh không đầy đủ. Do đó, yêu cầu của chị Q về việc buộc bà H và ông M có nghĩa vụ thanh toán cho chị khoản nợ hội 430.000.000đ là hoàn toàn có căn cứ.

[4] Về nghĩa vụ thanh toán nợ: Mặc dù ông M không trực tiếp giao dịch với chị Q nhưng biết việc vợ ông là bà H tham gia chơi hội và có ký nhận tiền giao hội của chị Q. Tại thời điểm bà H giao dịch hội với chị Q, giữa ông M và bà H vẫn còn

mối quan hệ vợ chồng, hôn nhân đang tồn tại, đang sống chung, cùng làm ăn và sinh hoạt chung trong gia đình; việc giao dịch hui của bà H cũng nhằm mục đích kinh doanh mua bán, phục vụ cho trang trải, sinh hoạt của gia đình. Bên cạnh đó, thời gian giao dịch hui diễn ra rất dài, nhiều hui viên tham gia, số tiền hui giao dịch rất lớn, mục đích sử dụng khoản tiền này như thế nào buộc ông M phải biết. Do vậy, buộc bà H và ông M phải có nghĩa vụ trả nợ cho chị Q tổng số tiền hui 430.000.000đ là hoàn toàn có căn cứ. Việc ông M không tham gia phiên toà để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì ông phải tự gánh chịu hậu quả của việc không chứng minh hoặc chứng minh không đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình.

[5] Bà H và ông M có nghĩa vụ thực hiện việc thanh toán nợ cho chị Q nên ông bà phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; chị Q không phải chịu án phí, chị đã nộp tạm ứng án phí nên được hoàn lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 288; 471 của Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ các Điều 27; 37 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biên, phường;
- Căn cứ Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Kim Q – buộc bà Lưu Thị H và ông Nguyễn Hùng M có nghĩa vụ trả cho chị Q tổng số tiền 430.000.000đ (*Bốn trăm ba mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Lưu Thị H và ông Nguyễn Hùng M phải chịu 21.200.000đ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Chị Lương Kim Q không phải chịu án phí, ngày 04/5/2022, chị Q đã nộp tạm ứng án phí 10.600.000đ theo biên lai số: 4749 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được hoàn lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Q được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông M và bà H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hứa Minh Hải